TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **78/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2026
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hải Y;

Bà Phạm Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thùy Lương - Là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Y - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc: *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

NgU đơn: chị Trần Thị Thùy T, sinh năm: 2003; nơi thường trú: số 16 thôn 6, xã Hòa N, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: số 40 xóm 3, thôn 6A, xã Hòa B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: anh Phạm Anh Y, sinh năm: 1999; nơi thường trú: số 16 thôn 6, xã Hòa N, tỉnh Lâm Đồng.

Chị T có mặt, anh Y vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị Trần Thị Thùy T thì:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Anh Y kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa N, huyện Di L, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã

Hòa N, tỉnh Lâm Đồng). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 16 thôn 6, xã Hòa N, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, có những bất đồng về quan điểm, lối sống, anh Y thường xU chửi bới chị và gia đình chị nên vợ chồng thường xU xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ngoài ra có lần anh Y còn đánh chị, vì chỉ đánh nhẹ không gây thương tích gì nên chị không báo chính quyền địa phương cũng như các đoàn thể tại địa phương biết. Vợ chồng cố gắng hàn gắn, gia đình hai bên cũng khU bảo nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ tháng 11/2025 đến nay. Từ khi ly thân chị chuyển về nhà mẹ đẻ tại số nhà 40 xóm 3, thôn 6A, xã Hòa B (xã Hòa N cũ), tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Từ khi sống ly thân đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Y, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Anh Y.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 và cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023, hiện cháu Phạm Trần Ngọc U đang ở với anh Phạm Anh Y, còn cháu Phạm Thùy K đang ở với chị. Ly hôn chị đồng ý giao con chung là cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 cho anh Phạm Anh Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị và anh Y không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Y nhưng anh Y không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn anh Y; đồng ý giao con chung là cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 cho anh Phạm Anh Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Y có xảy ra và thực tế đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, trình bày ý kiến, tham gia phiên tòa là thể hiện thái độ bỏ mặc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh Y được ly hôn.

Về con chung: giữa chị T và anh Y có hai con chung là cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 và cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023. Ly hôn chị T đồng ý giao con chung là cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 cho anh Phạm Anh Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Xét hiện nay cháu U đang ở với anh Y, cháu K đang ở với chị T có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu U cho anh Y, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: buộc chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu được ly hôn với anh Y; yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: anh Y vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Y theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Y kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Theo chị T thì cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, có những bất đồng về quan điểm, lối sống, anh Y thường xuyên chửi bới chị và gia đình chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ngoài ra anh Y còn đánh chị. Vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ tháng 11/2025 đến nay. Từ khi ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Y, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Anh Y.

Tòa án triệu tập hợp lệ anh Y nhiều lần nhưng anh Y không đến Tòa làm việc, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng là thể hiện thái độ bỏ mặc. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Y đã trầm trọng, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, cho chị T và anh Y được ly hôn.

[4] Về con chung: giữa chị T và anh Y có hai con chung là cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 và cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023. Ly hôn chị T đồng ý giao con chung là cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 cho anh Phạm Anh Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023 cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Xét thấy vợ chồng có hai con chung, cháu U đang ở với anh Y, cháu K đang ở với chị T, hiện các cháu có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu, cần giao cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 cho anh Phạm Anh Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023 cho chị Trần Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí: buộc chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị Thùy T và anh Phạm Anh Y ly hôn.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Phạm Trần Ngọc U, sinh ngày 23/01/2022 cho anh Phạm Anh Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Phạm Thùy K, sinh ngày 05/8/2023 cho chị Trần Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: chị Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003063 ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tU án, chị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm; riêng anh Y vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 4 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Hòa N, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lâm Hải Y – Phạm Thị Tư

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Chiến